

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 70/2017/HSST

Ngày: 26/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* **Bà Đoàn Thị Thu Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Ông Nguyễn Văn Sáu** - Phó Ban tuyên giáo huyện Krông Năng.

2. **Bà Nguyễn Thị Chinh** - Giáo viên về hưu.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lương Công Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng:* Ông **Phan Xuân Tạo** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2017/HSST ngày 08/12/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lãnh Đức T**; Sinh năm 1996, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở trước khi phạm tội: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Lãnh Xuân L (sinh năm 1968); Con bà Hoàng Thị T (sinh năm 1968), hiện trú tại: Thôn G, xã E, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang được tại ngoại. Có mặt.

Danh sách những người tham gia tố tụng:

* **Người bị hại:** Anh Vi Minh H, sinh năm: 1998 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

* **Người làm chứng:**

1/ Anh Vi Văn H, sinh năm: 1996. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

2/ Anh Triệu Văn P, sinh năm: 1994. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

3/ Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1997. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

4/ Anh Hồ L, sinh năm: 1994. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

5/ Anh Lê Cảnh T, sinh năm: 1998. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Lãnh Đức T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 14/6/2017, trên đường đi đám cưới về, Lãnh Đức T gặp Vi Minh H nên H rủ T đến nhà Triệu Văn P ở cùng thôn uống rượu. Sau đó T, H, P, Hồ L và một số người khác cùng ngồi uống rượu dưới gốc cây vải sau nhà P. Trong khi uống rượu thì T hỏi mượn điện thoại của Hồ L để lấy số điện thoại. L đưa điện thoại cho T nhưng để xuống chiếu thì bị H lấy và đưa cho T. T và H cãi nhau rồi dùng tay đánh nhau và được mọi người can ngăn kéo T về nhà. Về đến nhà, T thấy bức tức nên lấy con dao của nhà mình quay lại nhà P rồi xông vào chém trúng tay trái H. H bị vết thương ở tay và được mọi người đưa đi điều trị ở bệnh viện Thiện Hạnh.

Tại bản kết luận pháp y thương tích số 1039/PY-TgT ngày 18/8/2017, của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Vi Minh H bị vết thương cẳng tay trái phạm xương trụ, đứt gân gấp cổ tay trụ và gân nông các ngón, tỷ lệ thương tích là 12 %; Vật tác động: Sắc bén.

Vật chứng vụ án thu giữ gồm: 01 con dao dài 35cm, lưỡi dao bằng kim loại rộng 30cm, cán gỗ dài 20cm.

Cáo trạng số 01/KSĐT-HS ngày 06/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng truy tố bị cáo Lãnh Đức T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999 và theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 và khoản 3 Điều 7; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa sau khi phát biểu quan điểm luận tội đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng giữ nguyên quyết định truy tố theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 BLHS 1999; Áp dụng nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 và khoản 3 Điều 7 BLHS 2015 về áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015, xử phạt Lãnh Đức T từ 18 đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 42 BLHS; Điều 590 BLDS buộc bị cáo phải bồi thường cho Vi Minh H toàn bộ chi phí điều trị vết thương và các chi phí hợp lý khác với số tiền 29.087.000 đồng.

Chấp nhận việc gia đình bị cáo Lãnh Đức T đã bồi thường cho bị hại số tiền 9.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 41 BLHS; khoản 2 Điều 76 BLTTHS, đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 con dao có đặc điểm như trong biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, chứng cứ ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Lời khai nhận tội của bị cáo Lãnh Đức T tại phiên tòa hôm nay về cơ bản phù hợp với khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập lưu trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lãnh Đức T về tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng dùng hung khí nguy hiểm. Như vậy, chỉ vì mâu thuẫn xảy ra trong khi ngồi uống rượu và bị bị hại dùng tay đánh mình nhưng cũng không có thương tích gì mà bị cáo đã dùng dao chém vào tay bị hại, gây thương tích 12%. Xét hành vi của các bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm gây thương tích, làm anh H tổn hại 12% sức khỏe đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 104 BLHS.

Điểm a, khoản 1, khoản 2 Điều 104 BLHS quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm

b)

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe cho người khác mà tỉ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.”

Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, không những xâm hại đến sức khỏe của anh H mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được rằng tính mạng, sức khỏe của con người là vốn quý, được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi xâm hại trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ, bị hại dùng tay đánh mình nhưng không gây thương tích gì mà bị cáo đã dùng dao là hung khí nguy hiểm chém vào tay anh H, tỷ lệ thương tích 12%.

Vì vậy, việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết. Như vậy, mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt.

Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 và khoản 3 Điều 7 BLHS 2015 về áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội; điểm a khoản 1 khoản 2 Điều 134 BLHS 2015 thì hình phạt nhẹ hơn so với khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999, do đó cần phải thực hiện nguyên tắc có lợi và áp dụng quy định có lợi cho bị cáo khi ấn định mức hình phạt. Xét bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động. Sau khi phạm tội, bị cáo đã cùng gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, đồng thời bị hại cũng có lỗi do đã có hành vi dùng tay đánh bị cáo. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật hình sự nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ cho bị

cáo một phần nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Khoản 1 Điều 42 BLHS quy định: Người phạm tội phải bồi thường thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra. Điều 590 Bộ luật dân sự quy định: Thiệt hại do sức khỏe bị xâm hại bao gồm: Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại, thu nhập thực tế bị mất của nạn nhân và người nhà nạn nhân trong những ngày không lao động được và các chi phí hợp lý khác. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, bao gồm các khoản:

Tiền thuốc + viện phí: 1.577.000 đồng;

Tiền xe cấp đi lại: 1.610.000 đồng;

Tiền ăn, tiền công lao động: 4.320.000 đồng;

Tiền khám 07 lượt: 5.600.000 đồng;

Tiền công người chăm sóc: 2.400.000 đồng;

Tiền khám điều trị ngoài: 1.613.000 đồng;

Tiền tổn hại sức khỏe: 13.040.000 đồng;

Tiền phục hồi sức khỏe: 15.363.195 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại là chính đáng, song có một số yêu cầu không có chứng từ hợp lệ. Vì vậy, HĐXX sẽ xem xét mức độ thương tích của bị hại và các quy định tại Điều 590 BLDS để tính mức bồi thường cụ thể, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại. Cụ thể:

Tiền thuốc + viện phí: 6.657.216 đồng; tiền thuê xe 1.610.000 đồng; thu nhập thực tế bị mất (7 ngày $\times$ 180.000 đồng $\times$ 2 người) = 2.520.000 đồng; tiền phục hồi sức khỏe: 3.000.000 đồng, tiền tổn thất về tinh thần 6.500.000 đồng (tương đương 05 tháng lương tối thiểu). Tổng cộng: 20.287.216 đồng.

Công nhận gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại Vi Minh H 9.000.000 đồng. Bị cáo tiếp tục bồi thường phần còn lại cho bị hại.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng vụ án thu giữ được gồm: 01 con dao có đặc điểm như trong biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu. Đây là công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với Vi Minh H đã có hành vi đánh nhau với Lãnh Đức T nhưng chỉ gây thương tích nhẹ, Toàn không điều trị vết thương và không yêu cầu xử lý hình sự đối với Hiếu, nên Cơ quan điều tra ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Hiếu là đúng nên cần chấp nhận.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lãnh Đức T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 BLHS;

Áp dụng Nghị quyết số 41 của Quốc hội khóa 14; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 134 BLHS 2015.

Xử phạt bị cáo Lãnh Đức T 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS; Điều 590 BLDS buộc bị cáo Lãnh Đức T bồi thường cho anh Vi Minh H toàn bộ chi phí điều trị vết thương và các chi phí hợp lý khác, tổng số tiền 20.287.216 đồng.

Công nhận và khấu trừ bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 9.000.000 đồng, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 11.287.216 đồng.

Áp dụng Điều 357 BLDS để tính lãi suất khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41BLHS; Điều 76 BLTTHS;

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao là hung khí gây án không có giá trị sử dụng.

(Đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk)

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Bị cáo Lãnh Đức T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST và 565.000 đồng án phí dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HSYA, VPCQ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thu Trang